

Bản án số 108/2020 /KDTM-ST
Ngày 16.9.2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa :* **Ông Nguyễn Hồng Bách**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ **Ông Dương Xuân Thìn**

2/ **Bà Nguyễn Thị Mai**

- *Thư kí phiên tòa :* **Bà Hoàng Thu Thảo** – Thư kí Tòa án nhân dân huyện Đông A

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông A tham gia phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thùy Dung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16.9.2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông A xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lí số 15/2020/DSST ngày 11.3.2020 về tranh chấp “ Hợp đồng tín dụng ”, theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 44 /2020 /QĐXXST ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMTNHH MTV D Việt Nam

Địa chỉ: 109 Trần Hưng Đ, phường Cửa N, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy Th– Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H - Giám đốc Ngân hàng TM TNHH MTV D - Phòng giao dịch Đông A

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

1/ Bà Nguyễn Thị H, Phó Giám đốc Ngân hàng TMTNHH MTV D - Phòng giao dịch Đông A

2/ ông Nguyễn Việt L – cán bộ xử lý nợ.

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Bị đơn:** 1/ Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1970.

2/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969

Trú tại: Thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện Đông A, Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Thế T1, sinh năm 1998

Trú tại: Thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện Đông A, Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Chị Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1992

Trú tại: Thôn Đại V, Liên H, Đông A, Hà Nội.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 2.12.2019 của Ngân hàng TM TNHH MTV D Việt Nam và các lời khai của đại diện ủy quyền của Nguyên đơn nội dung vụ kiện như sau:

Ngày 5/6/2017, Ngân hàng TM TNHH MTV D Việt Nam và Ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thế T1, chị Nguyễn Thị Thanh T2 ký Hợp đồng tín dụng số 0034/2017/PDA22/HĐTD và ký kết một khế ước nhận nợ với nội dung sau:

1. Phương thức cho vay: vay ngắn hạn theo món.
2. Số tiền vay: 499.000.000 đồng
3. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh
4. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày bên vay rút tiền vay lần đầu tiên.
5. Phương thức áp dụng lãi suất:
 - Áp dụng thả nổi thay đổi mỗi tháng/1 lần vào ngày 10. Lãi suất kỳ đầu là tiền là 10%/ năm. Lãi suất có vay được xác định theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm xác định lãi suất cho vay, tuân thủ theo chính sách lãi suất của GP. Bank tại từng thời kỳ.
 - Lãi suất trên dư nợ gốc bị quá hạn:
 - + Trường hợp khoản nợ bị vay bị chuyển quá hạn Bên vay phải trả lãi tính trên dư nợ gốc bị quá hạn và thời gian quá hạn
 - Mức lãi suất trên dư nợ gốc bị quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
 - Lãi suất chậm trả lãi: Trường hợp bên vay không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 của Điều 2, Bên vay phải trả lãi chậm trả tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

* Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng

Ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thế T1, chị Nguyễn Thị Thanh T2 đã dùng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 82, Thôn Lương Q, Xã Xuân N, huyện Đông A, Tp Hà Nội. Theo **“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 520168** do UBND huyện Đông A, Tp Hà Nội cấp ngày 24/01/2003 mang tên Hộ gia đình ông Nguyễn Thế T để đảm bảo cho khoản vay của ông T, bà H tại Ngân hàng.

Ngày 26.4.2016, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đông A chứng nhận việc thế chấp bằng quyền sử dụng đất nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật. Đến ngày ký hợp đồng tín dụng số 0034/2017/PDA22/HĐTD hộ gia đình ông T vẫn tiếp tục đồng ý thực hiện Hợp đồng thế chấp đã ký vào năm 2016

* Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng:

Ông Nguyễn Thế T đã nhận: **499.000.000 đồng** (Bằng chữ: *Bốn trăm chín mươi chín triệu đồng chẵn*) và ký kết 01 Khế ước nhận nợ với Ngân hàng D.

Trong quá trình vay, Ông Nguyễn Thế T và vợ là bà Nguyễn Thị H phải trả một phần lãi phát sinh, phần nợ gốc chưa trả, dư nợ còn lại cụ thể:

- * Dư nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 24/8/2020, trong đó:
 - + Nợ gốc: 200.892.528 đồng
 - + Nợ lãi trong hạn chưa trả: 1.503.836 đồng

+ Lãi quá hạn và lãi phải chịu do chậm thanh toán tiền lãi: 91.312.539 đồng
+ Tổng cộng: **294.043.035** đồng (*Hai trăm chín mươi tư triệu không trăm bốn mươi ba nghìn không trăm ba lăm đồng./*)

*** Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:**

1. Ông Nguyễn Thế T và vợ là bà Nguyễn Thị H trả ngay cho Ngân hàng TM TNHH MTV D tổng số nợ còn thiếu (gồm: Gốc, lãi quá hạn, lãi phạt quá hạn) tạm tính đến ngày 24/8/2020 là: **294.043.035** đồng (*Hai trăm chín mươi tư triệu không trăm bốn mươi ba nghìn không trăm ba lăm đồng./*)

2. Trường hợp Ông Nguyễn Thế T và vợ là bà Nguyễn Thị H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu (D) yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ, Cụ thể:

Bất động sản có Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 82, Thôn Lương Q, Xã Xuân N, huyện Đông A, Tp Hà Nội. Theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 520168 do UBND huyện Đông A, Tp Hà Nội cấp ngày 24/01/2003, mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Thế T”

+ Trường hợp phát mãi tài sản không đủ trả khoản vay thì khách hàng phải chịu lãi phát sinh và thanh toán đến khi hết món vay.

3. Ông Nguyễn Thế T và vợ là bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí.

Bị đơn ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ông T và bà H có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TM TNHH MTV D – Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 0034/2017/PDA22/HDTD ngày 5/6/2017.

Số tiền vay là 499 triệu đồng. Các điều khoản của Hợp đồng tín dụng đã được thể hiện trên Hợp đồng, vợ chồng ông bà đã ký kết và xác nhận chữ ký của mình là đúng. Sau khi ký kết hợp đồng vợ chồng ông, bà đã nhận đủ số tiền theo khế ước nhận nợ ngày 5/6/2017.

Do không trả nợ đầy đủ nên Ngân hàng TM TNHH MTV D đã khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu giải quyết khoản nợ. hai bên đã thỏa thuận và trả được số tiền 298 triệu đồng nhưng vì điều kiện khó khăn nên không trả hết được số tiền gốc và lãi còn thiếu.

Nay phía Ngân hàng lại khởi kiện lại ông T xác nhận số nợ gốc còn lại là 200.892.528 đồng

Ông T đề nghị phía Ngân hàng giảm lãi.

Về tài sản đảm bảo ông T và bà H thừa nhận đã dùng thửa đất số 82 tờ bản đồ số 22 Thôn Lương Q, Xuân N, Đông A, Hà Nội có diện tích 240 m²

Toàn bộ tài sản có trên đất vào thời điểm ký thế chấp vẫn còn nguyên vẹn

Việc thế chấp tài sản ông T và bà H không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh T1 và chị T2 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa :

Đại diện Ngân hàng bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc thay đổi địa vị tố tụng với anh Nguyễn Thế T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan sang bị đơn và yêu cầu anh T1 và chị T2 có trách nhiệm liên đới trả tiền cho Ngân hàng TM MTV D.

Về phần lãi suất áp dụng trong vụ kiện: phía Nguyên đơn trình bày mức lãi suất áp dụng để tính lãi quá hạn cho phía bị đơn là mức lãi thấp nhất so với các mức lãi suất

mà phía Ngân hàng áp dụng trong thời gian qua. Mức lãi suất cơ bản để tính lãi quá hạn này là có lợi cho đương sự hơn so với việc áp dụng thay đổi lãi suất như Hợp đồng tín dụng.

Về yêu cầu trả tiền:

Tính đến ngày 16/9/2020 bị đơn còn phải trả cho Ngân hàng:

- Tiền gốc: 200.892.528 đồng.
- Tiền lãi trong hạn chưa trả: 1.503.836 đồng.
- Tiền lãi do chậm trả lãi: 515.424 đồng
- Tiền lãi quá hạn: 93.039.571 đồng.

Ngoài ra ông T, bà H, anh T1, chị T2 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền gốc chưa trả sau khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất qua hạn theo cách tính cách bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

Trường hợp ông T bà H, anh T1, chị T2 không thanh toán khoản tiền theo Bản án thì đề nghị cho Ngân hàng được làm đơn đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản hộ gia đình ông Nguyễn Thế T đã thế chấp.

Thứ tự ưu tiên khi thanh toán khi đã phát mại tài sản: các chi phí, nợ gốc rồi đến nợ lãi.

Phát biểu của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông A:

-Tòa án xác định tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng pháp luật.

-Thụ lý giải quyết đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định đúng và đầy đủ người tham gia tố tụng. Chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp giao nộp tiếp cận công khai, chứng cứ. Hội đồng xét xử đúng thành phần đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

-Về phía đương sự trong vụ án:

+Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+Bị đơn chấp hành chưa tốt dẫn đến để thời gian chuẩn bị xét xử bị kéo dài.

Ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ thỏa thuận của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH:

[1]. Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện và theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, địa chỉ cư trú của ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị H tại Thôn Lương Q, Xuân N , Đông A, Hà Nội.

Tòa án nhân dân huyện Đông A thụ lý vụ kiện ngày 11.3.2020

Ngân hàng TM TNHH MTV D chưa bán khoản nợ cho Công ty VAMC

Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông A giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TM TNHH MTV D là đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T1 và chị T2 đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do

Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của Nguyên đơn

2.1.Xem xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp:

2.1.1 Hợp đồng tín dụng

Phía Ngân hàng kí kết hợp đồng tín dụng có văn bản ủy quyền số 261/2016/UQ-TGD ngày 6/12/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng TM TNHH MTV D

Do vậy, phía đại diện của Ngân hàng (bên cho vay) kí kết hợp đồng đã có văn bản ủy quyền hợp pháp.

Mục đích hợp đồng tín dụng phù hợp với ngành nghề đã đăng kí kinh doanh của Ngân hàng nên Hợp đồng tín dụng được kí kết theo đúng phạm vi ủy quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và hợp pháp về hình thức và nội dung.

-Về nội dung yêu cầu trả tiền:

Ngân hàng yêu cầu Bị đơn trả tiền như sau:

- Số tiền nợ gốc: 200.892.528 đồng
- Tiền lãi trong hạn chưa trả: 1.503.836 đồng.
- Tiền lãi do chậm trả lãi: 515.424 đồng
- Tiền lãi quá hạn: 93.039.571 đồng.

Xem xét về lãi suất đã áp dụng để tính tiền lãi

Theo giấy nhận nợ do ông T, bà H, anh T1, chị T2 kí với Ngân hàng TM TNHH D mức lãi suất cho vay quy định như sau:

Áp dụng thả nổi thay đổi mỗi tháng / 1 lần vào ngày 10. Lãi suất kỳ đầu là tiền là 10%/ năm. Lãi suất có vay được xác định theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm xác định lãi suất cho vay, tuân thủ theo chính sách lãi suất của GP. Bank tại từng thời kỳ.

Theo Điều 1 Thông tư 12/2010 ngày 14.4.2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận quy định “ Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả”.

Do vậy, thỏa thuận về mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã được kí kết giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất.

Tuy nhiên, phía Ngân hàng đề nghị áp dụng mức lãi suất trong hạn theo một mức cố định không thay đổi như Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã nêu.

So sánh mức lãi suất áp dụng tính lãi suất quá hạn cho bị đơn thấp hơn so với mức lãi suất gửi tiết kiệm 12 tháng áp dụng cho khách hàng cá nhân gửi tại GP Bank, Hội đồng xét xử thấy cách tính lãi này có lợi cho Bị đơn Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả tiền gốc tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn của Ngân hàng TM TNHH MTV D đưa ra tại phiên tòa.

Trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về tiền lãi trên số tiền lãi phải trả chưa thanh toán. Hợp đồng tín dụng được kí sau ngày 1.1.2017 nên phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Số tiền lãi trên lãi chậm thanh toán được chấp nhận.

Về tiền lãi phải trả sau ngày xét xử sơ thẩm:

Án lệ số 08/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao viện dẫn..
“...Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận

trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

Phía Ngân hàng đề nghị áp dụng tính lãi theo thỏa thuận nêu trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ.

Để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng và trách nhiệm của người đi vay, Hội đồng xét xử áp dụng án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm để áp dụng giải quyết vụ kiện.

Xác định nghĩa vụ trả tiền của từng người:

Ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị H là vợ chồng

Anh Nguyễn Thế T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 là con

Những người này đều tham gia kí kết hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Do đó để việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ được rõ ràng cần xác định rõ nghĩa vụ trả tiền của từng người.

Xác định mỗi người trong hộ gia đình có nghĩa vụ trả nợ tương ứng với $\frac{1}{4}$ số tiền gốc còn nợ và $\frac{1}{4}$ số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt do chậm trả lãi và số tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc phải trả kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

2.1.2 Hợp đồng thế chấp

- Đại diện Ngân hàng kí nhận thế chấp phù hợp với ủy quyền.

Ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thế T1, chị Nguyễn Thị Thanh T2 và Ngân hàng đã kí Hợp đồng thế chấp tài sản của hộ gia đình ông Nguyễn Thế T đã được Văn phòng công chứng Hà Anh chứng thực ngày 23/6/2014.

Tài sản thế chấp nằm trên địa bàn Thành phố Hà Nội nên Văn phòng công chứng Hà Anh chứng thực là đúng pháp luật và được công nhận văn bản công chứng có hiệu lực pháp luật.

Tài sản này đã được đăng kí thế chấp tại Văn phòng đăng kí quyền sử dụng đất huyện Đông A, TP. Hà Nội ngày 24.6.2014 và đăng kí thay đổi nội dung đăng kí thế chấp ngày 7/12/2017.

Hợp đồng thế chấp có thời hạn 60 tháng nên phía Ngân hàng TM TNHH MTV tiếp tục nhận thế chấp và cho vay.

Do đó việc thế chấp tài sản và yêu cầu về xử lý tài sản đảm bảo khi phía bị đơn không thanh toán khoản tiền phải trả được Hội đồng xét xử chấp nhận

Như vậy, nếu Bị đơn không thanh toán số tiền còn nợ thì phía Ngân hàng có quyền làm đơn với cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là:

Thửa đất số 22 tờ bản đồ số 82 diện tích 240 m² tại địa chỉ thôn Lương Q, Xuân N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội cùng tài sản gắn liền với quyền sử dụng thể hiện theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và hồ sơ kỹ thuật đo vẽ kèm theo.

Về xử lý tài sản đảm bảo:

Điểm 6 Điều 5 Hợp đồng thế chấp có quy định:

- Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản sẽ được tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà bên B phải thanh toán trả cho GP bank bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:

(a) Chi phí bảo quản, bán tài sản..

- (b) Nợ quá hạn
- (c) Nợ lãi trong hạn
- (d) Nợ gốc

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản còn dư lại sẽ trả lại cho bên B, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì bên B phải tiếp tục trả nợ cho GP Bank. Việc trả nợ cũng căn cứ trên kỷ phần phải thanh toán được xác định như đã nêu ở trên.

Thỏa thuận cả các bên về việc thứ tự ưu tiên thanh toán là hoàn toàn tự nguyện tuy nhiên tại phiên tòa phía Ngân hàng đã thay đổi thứ tự ưu tiên khi phải xử lý tài sản đảm bảo khi bên có nghĩa vụ không thực hiện được nghĩa vụ do Bản án, quyết định của Tòa án quy định. Do đó, số tiền thu được do phát mại tài sản được thực hiện theo thứ tự (a) (d) (c) và (b) như đã nêu ở trên

Người tham gia thế chấp, những người đang quản lý và sử dụng tài sản đang thế chấp phải có nghĩa vụ thực hiện bàn giao tài sản thế chấp khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

[3] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ngân hàng
Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 278, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 322 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ ngày 11.1.2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

-Án lệ số 08 /2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997(đã được sửa đổi bổ sung năm 2004)

Quyết định số 1627/QĐ-NHNN ngày 31.12.2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14.4.2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam.

Điều 8 Thông tư số 14 ngày 29.9.2017 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam Quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng.

Văn bản số 1335/NHNN - CSTT ngày 22.2.2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về phạt chậm trả đối với trường hợp nợ quá hạn

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 01/2012/NQ- HĐTP ngày 13.6.2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TM TNHH MTV D về việc yêu cầu ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thế T1, chị Nguyễn Thị Thanh T2 trả tiền vay và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0034/2017/PDA22/HĐTD và Xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp.

Buộc ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thế T1, chị Nguyễn Thị Thanh T2 phải liên đới thanh toán trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV D số tiền, cụ thể: đến ngày 16.9.2020 tiền gốc vay chưa trả, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn:

Nợ gốc là: **200.892.000** đồng (1)

Tiền lãi tính đến ngày 16.9.2020:

Tiền lãi trong hạn: **1.503.836** đồng (2)

Tiền lãi quá hạn: **93.039.571** (3)

Tiền phạt do vi phạm chậm trả lãi: **515.424** đồng(4)

Tổng cộng (1) + (2)+ (3)+ (4) : **295.951.359** đồng

Ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị H phải trả 100.446.000 tiền nợ gốc và 47.529.324 đồng tiền lãi.

Anh Nguyễn Thế T1 phải trả 50.223.000 đồng nợ gốc và 23.764.662 đồng tiền lãi

Chị Nguyễn Thị Thanh T2 phải trả 50.223.000 đồng tiền nợ gốc và 23.764.662 đồng tiền lãi

Kể từ ngày 16/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thế T1, chị Nguyễn Thị Thanh T2 còn phải trả thêm một khoản tiền được tính theo mức lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng của số tiền nợ gốc mình phải trả nhưng chưa thanh toán.

3. Trường hợp ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thế T1, chị Nguyễn Thị Thanh T2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Quyết định tại Bản án thì Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu có quyền làm đơn đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo phạm vi thế chấp đã nêu trong Hợp đồng thế chấp.

Sau khi phát mại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 82, Thôn Lương Q, Xã Xuân N, huyện Đông A, Tp Hà Nội. Theo **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 520168** do UBND huyện Đông A, Tp Hà Nội cấp ngày 24/01/2003 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Thế T và tài sản gắn liền với đất. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo thứ tự thanh toán như sau:

1. Chi phí bảo quản, bán tài sản...

2. Nợ gốc

3. Nợ lãi trong hạn

4. Nợ lãi quá hạn

Nếu số tiền phát mại tài sản thu được lớn hơn số tiền ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thế T1, chị Nguyễn Thị Thanh T2 phải thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, thì thanh toán trả cho ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thế T1, chị Nguyễn Thị Thanh T2. Nếu số tiền phát mại thu được không trả đủ số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp do các bên đã kí kết thì Nguyễn Thế T, bà

Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thế T1, chị Nguyễn Thị Thanh T2 phải tiếp tục phải thanh toán số tiền còn thiếu trong phạm vi nghĩa vụ của mình đã nêu trên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ và nghĩa vụ trả tiền theo quyết định của Bản án cho đến khi trả xong.

4. Về án phí:

4.1. Ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị H, phải chịu 7.376.466 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4.2. anh Nguyễn Thế T1, phải chịu 3.688.223 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4.3. chị Nguyễn Thị Thanh T2 phải chịu 3.688.223 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

5. Hoàn trả Ngân hàng TM TNHH Dầu Khí Toàn Cầu số tiền còn lại sau khi đã trừ đi số tiền án phí phải chịu đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/ 0015464 ngày 23.4.2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông A.

Tr-ờng hợp bản án đ-ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ-ợc thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đ-ơng sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày đ-ợc tổng đạt Bản án hoặc kể từ ngày Bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

☐n xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đ-ơng sự;
- VKS huyện Đông A, VKS Hà Nội;
- Toà án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Chi cục THA huyện Đông A.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Bách